TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST.
Ngày: 22-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 267/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 08/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Lý Vủ L (tên gọi khác: không), sinh năm 1997, tại tỉnh Cà Mau; nơi thường trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố 5, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ tên Lê Thị Thu P (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; ngày 21/6/2023, Lý Vủ L bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay; có mặt.

2. Lê Văn H (tên gọi khác: Vũ), sinh năm 1980, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp 4, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khu 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn M (chết) và bà Lê Thị N; bị cáo có vợ tên Lê Thị T (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2003; tiền án:

- Ngày 18/5/2012, H bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 42 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; ngày 27/7/2012, Toàn án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm (bị cáo kháng cáo) và đã quyết định giữ nguyên Bản án sơ thẩm, xử phạt Lê Văn H 42 tháng tù về tội "Cố

ý gây thương tích" đối với hành vi thực hiện ngày 16/6/2011 (Bản án sơ thẩm số 113/2012/HSST, Bản án phúc thẩm số 121/2012/HSPT).

- Ngày 13/8/2012, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt Lê Văn H 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với hành vi thực hiện ngày 13/11/2011 theo Bản án số 206/2012/HSST. Tổng hợp hình phạt 42 tháng tù của Bản án số 121/2012/HSPT, Lê Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 06 tháng tù. H chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2016.

- Ngày 27/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt Lê Văn H 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 96/2018/HSST đối với hành vi thực hiện ngày 03/12/2016. H chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2022.

Tiền sự: Không; nhân thân: Không; ngày 15/5/2023, Lê Văn H bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Hoài T (tên gọi khác: không), sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp Anh Dũng, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị D (đã chết); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 38 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 172/2015/HSST, T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2017 và thi hành phần dân sự, án phí; ngày 15/5/2023, bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay; có mặt.

4. Phan Văn B (tên gọi khác: không), sinh năm 1989, tại tỉnh Cà Mau; nơi thường trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố Phú Nghị, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; tiền án: Ngày 24/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án số 82/2017/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2021 và chấp hành xong án phí; tiền sự: không; nhân thân: Không; ngày 15/5/2023, bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Châu Mạnh H1, sinh năm 1980, thường trú tại: 322/80/70 đường Huỳnh Văn Lũy, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 02 giờ sáng ngày 09/5/2023, L đi bộ từ phòng trọ của mình ở nhà trọ Mỹ Dung thuộc khu phố 5, phường H, thị xã T đến nhà trọ ông Thanh thuộc khu phố Phú Nghị, phường H, thị xã T do Bé thuê ở. Khi đi đến đoạn đường NE2 thuộc khu phố 1, phường H, thị xã T thì L nhìn thấy xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61B1-198.59 của ông Châu Mạnh H dựng ở vỉa hè, chìa khóa vẫn cắm trên xe. Lúc này, L nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài nên lén lút đi lại ngồi lên xe nổ máy điều khiển chạy đến phòng trọ của B. Khi L đến nơi thì gặp T cũng vừa đi chơi game về đến phòng trọ số 2 của B. T hỏi L xe ở đâu có thì L nói xe vừa trộm được và rủ T, B mang xe đi bán lấy tiền chia nhau thì T và B đồng ý.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển số 61B1-198.59, còn B chạy xe mô tô Dream (không rõ biển số) mượn của bạn chạy đến phòng trọ số 01 thuộc nhà trọ Kim Cương, khu phố Phú Nghị, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương gặp Lê Văn H để bán xe. Tại đây, T nói với H là muốn bán xe biển số 61B1-198.59 vừa trộm được thì H xem xe và đồng ý mua với số tiền 2.200.000 đồng. H đưa trước cho T 800.000 đồng và hẹn đến trưa cùng ngày sẽ trả thêm 1.400.000 đồng, khi về đến nhà trọ của B thì T đưa cho B 200.000 đồng, T giữ lại 100.000 đồng, còn lại 500.000 đồng T đưa cho L cất giữ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L đi đến gặp H lấy số tiền 1.400.000 đồng còn lại rồi bỏ trốn *(bút lục 43 – 76, 108 – 119).*

Sau khi mua xe mô tô biển số 61B1-198.59, H điều khiển xe về nhà của H thuê ở cạnh đường N2, khu 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cất giấu. Đến khoảng 01 giờ ngày 15/5/2023, bạn của H tên P (không rõ lai lịch) mượn xe mô tô biển số 61B1-198.59 đi về phòng trọ là phòng số 10, nhà trọ bà Mai, địa chỉ: Số 34, đường D2B, khu 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng 10 giờ ngày 15/5/2023, Công an phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra hành chính phòng số 10, nhà trọ bà Mai thì phát hiện thu giữ 01 xe mô tô biển số 61B1-198.59 không rõ nguồn gốc. Thời điểm này, P bỏ đi đâu không rõ. Qua trao đổi nghiệp vụ, Công an phường Phú Tân phát hiện xe mô tô biển số 61B1-198.59 là tài sản trộm cắp trên địa bàn thị xã Bến Cát nên chuyển giao xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền *(bút lục 17 - 21).*

Bị hại Châu Mạnh H khai: Khoảng 21 giờ ngày 08/5/2023, ông H điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61B1-198.59 đi về đến đoạn đường NE2 thuộc khu phố 1, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì không thể đi tiếp do say rượu. Ông H ngừng xe lại, dựng xe trên vỉa hè, chìa khóa vẫn cắm trên xe, rồi

xuống đất nằm ngủ. Khoảng 03 giờ ngày 09/5/2023, ông H thức dậy phát hiện mất xe mô tô nên đến Công an phường Thới Hòa trình báo *(bút lục 05 – 16)*.

Theo Kết luận định giá tài sản số 61 ngày 18/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: Xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61B1-198.59 trị giá 4.124.000 đồng *(bút lục 77 - 82)* .

* Về xử lý vật chứng: Ngày 14/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã xử lý vật chứng giao trả xe mô tô biển số 61B1-198.59 cho ông Châu Mạnh H. Ông H không yêu cầu gì khác *(bút lục 189 - 192)*.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKSBC ngày 07/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lý Vủ L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Hoài T và Phan Văn B về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; truy tố bị cáo Lê Văn H về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận: đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và Kiểm sát viên; không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong Tố tụng thị xã Bến Cát.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lý Vủ L phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Hoài T, Phan Văn B và Lê Văn H phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lý Vủ L thời hạn phạt tù bằng với thời hạn bị cáo bị tạm giam.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T thời hạn phạt tù bằng với thời hạn bị cáo bị tạm giam.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo L nộp lại số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo B nộp lại 200.000 đồng, bị cáo T nộp lại 100.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo về lao động lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

[2.1] Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

[2.2] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện thể hiện bản chất liều lĩnh, bất chấp hậu quả và thái độ xem thường pháp luật.

[2.3] Hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61B1-198.59 trị giá 4.124.000 đồng của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Hành vi biết rõ xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61B1-198.59 là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ của bị cáo T và B đã đủ yếu tố cấu thành tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", phạm tội và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Hành vi biết rõ xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61B1-198.59 là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", do

bị cáo H đã có tiền án thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, bản Cáo trạng số 09/CT-VKSBC ngày 07/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo: Bị cáo L là người trực tiếp chiếm đoạt xe mô tô của bị hại H1; bị cáo T và B biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý đem xe đi tiêu thụ để lấy tiền tiêu xài; bị cáo H biết rõ xe mô tô do bị cáo L trộm cắp mà có nhưng vì tư lợi nên bị cáo vẫn đồng ý mua xe. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Năm 2017, bị cáo B bị kết án 07 năm tù về tội "cố ý gây thương tích", chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm nên bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về biện pháp tư pháp: Tài sản đã thu hồi giao trả bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Đối với số tiền 2.200.000 đồng là tài sản có được do phạm tội mà có nên buộc các bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Buộc bị cáo L phải nộp lại số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo Bé nộp lại số tiền 200.000 đồng, bị cáo T nộp lại số tiền 100.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lý Vủ L phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Hoài T và Phan Văn B phạm tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Lý Vủ L 07(bảy) tháng 01(một) ngày tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 21/6/2023, thời hạn phạt tù bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam.

Tuyên trả tự do cho bị cáo L ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 08(tám) tháng 07(bảy) ngày tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 15/5/2023, thời hạn phạt tù bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam.

Tuyên trả tự do cho bị cáo T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; xử phạt bị cáo Phan Văn B 10(mười) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 15/5/2023.

2.4. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; xử phạt bị cáo Lê Văn H 03(ba) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 15/5/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; buộc bị cáo Lý Vủ L phải nộp lại số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng), bị cáo Phan Văn B phải nộp lại số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Hoài T phải nộp lại 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an T. Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

Nguyễn Văn Phương